

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 38

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch là VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SDGHN do HNX cấp ngày 21 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	

### TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Liên.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023



Số tham chiếu: 12819110-66909998-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>202.252.471.612</b>	<b>230.559.663.250</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.427.263.001</b>	<b>18.933.600.233</b>
111	1. Tiền		9.427.263.001	10.933.600.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>92.288.686.756</b>	<b>99.274.827.856</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	104.309.742.236	113.744.503.152
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.649.877.847	3.851.207.208
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.351.931.942	14.824.036.448
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(34.022.865.269)	(33.144.918.952)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>88.782.740.904</b>	<b>101.587.803.006</b>
141	1. Hàng tồn kho		88.782.740.904	101.730.842.196
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(143.039.190)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.753.780.951</b>	<b>10.763.432.155</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.079.007.009	2.467.127.787
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	460.661.867	8.296.304.368
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	214.112.075	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>190.568.775.795</b>	<b>233.092.336.000</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.578.730.343</b>	<b>2.421.604.125</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.578.730.343	2.421.604.125
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>160.171.278.804</b>	<b>181.634.513.800</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	91.440.870.752	102.550.657.284
222	Nguyên giá		517.848.247.705	529.364.484.686
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(426.407.376.953)	(426.813.827.402)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	67.045.414.631	69.640.721.003
225	Nguyên giá		77.859.191.181	77.859.191.181
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.813.776.550)	(8.218.470.178)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	1.684.993.421	9.443.135.513
228	Nguyên giá		3.766.607.975	11.558.307.783
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.081.614.554)	(2.115.172.270)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>8.030.205.000</b>	<b>23.328.798.179</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.030.205.000	23.328.798.179
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>816.000.000</b>	<b>816.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	13	816.000.000	816.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.972.561.648</b>	<b>24.891.419.896</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.802.071.605	24.449.537.871
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	1.170.490.043	441.882.025
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>392.821.247.407</b>	<b>463.651.999.250</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>105.138.872.599</b>	<b>195.848.345.268</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>80.289.066.290</b>	<b>163.036.793.699</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	26.243.656.258	40.546.536.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4.408.816.081	3.664.799.549
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.946.218.282	538.666.526
314	4. Phải trả người lao động		2.386.793.763	4.761.914.959
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.660.892.758	5.754.151.763
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		363.636.362	363.636.363
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.221.296.021	3.535.931.732
320	8. Vay ngắn hạn	20	26.682.791.360	103.515.563.178
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		374.965.405	355.593.294
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>24.849.806.309</b>	<b>32.811.551.569</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	400.000.000	400.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	24.449.806.309	32.411.551.569
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>287.682.374.808</b>	<b>267.803.653.982</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>287.682.374.808</b>	<b>267.803.653.982</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.349.498.960	37.470.778.134
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		37.394.250.023	29.817.967.009
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		19.955.248.937	7.652.811.125
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>392.821.247.407</b>	<b>463.651.999.250</b>

Phạm Thanh Huyền  
Người lập

Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023



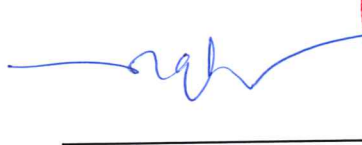
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22.1	49.714.798.476	189.993.527.620
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	23	(81.692.852.031)	(175.684.769.753)
20	3. (Lỗ) lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		(31.978.053.555)	14.308.757.867
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	347.533.852	651.996.110
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(3.965.882.761) (3.965.665.615)	(3.456.262.479) (3.309.555.212)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(2.947.242.136)	(1.799.711.598)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(15.116.433.459)	(16.631.909.478)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.660.078.059)	(6.927.129.578)
31	9. Thu nhập khác	28	79.004.634.358	10.048.106.584
32	10. Chi phí khác	28	(331.632.109)	(57.820.661)
40	11. Lợi nhuận khác	28	78.673.002.249	9.990.285.923
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.012.924.190	3.063.156.345
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.786.283.271)	-
52	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	728.608.018	(648.024.280)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.955.248.937	2.415.132.065
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	952	112
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	952	112



Phạm Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>25.012.924.190</b>	<b>3.063.156.345</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10,11	11.349.609.774	10.159.368.483
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		734.907.127	(5.256.414.819)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.889.690)	(352.099.770)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(79.066.407.897)	(10.022.389.824)
06	Chi phí lãi vay	24	3.965.665.615	3.309.555.212
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(38.028.190.881)</b>	<b>901.175.627</b>
09	Giảm các khoản phải thu		11.061.224.922	32.300.041.943
10	Giảm hàng tồn kho		12.948.101.292	8.785.959.235
11	Giảm các khoản phải trả		(10.076.221.927)	(74.064.104.492)
12	Giảm chi phí trả trước		6.313.932.359	1.507.222.665
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.225.837.731)	(2.864.528.890)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(2.384.904.683)	(1.500.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(57.156.000)	(14.200.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(23.449.052.649)</b>	<b>(34.948.433.912)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.581.356.945)	(840.040.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		108.019.484.340	8.032.960.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		299.370.728	26.721.377
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>106.737.498.123</b>	<b>7.219.641.377</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	34.270.017.553	96.301.681.239
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(113.944.894.631)	(49.073.987.254)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20	(5.119.640.000)	(7.500.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(84.794.517.078)</b>	<b>39.727.693.985</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1.506.071.604)</b>	<b>11.998.901.450</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>18.933.600.233</b>	<b>7.636.439.143</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(265.628)	(117.963.544)
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>17.427.263.001</b>	<b>19.517.377.049</b>



Phạm Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã giao dịch là VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SDGHN do HNX cấp ngày 21 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các Chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 141 (31 tháng 12 năm 2022: 152).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |  |
|--|---|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.   |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang       | - | chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất áp dụng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được hao mòn.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân phối lợi nhuận* (tiếp theo)

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Hội đồng Quản trị quyết định chi trả, sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.17 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.18 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	50.339.257	55.241.541
Tiền gửi ngân hàng	9.376.923.744	10.878.358.692
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.427.263.001</b>	<b>18.933.600.233</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với kỳ hạn gốc ba (3) tháng và hưởng lãi suất 3,8%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu cho bên khác	103.841.821.757	97.415.808.646
Hà Nhất Huy	23.000.000.000	-
Penavico & CL (Hong Kong) Co., Limited	15.436.857.394	15.436.857.394
Công ty TNHH Điện gió Sunpro - Bến Tre số 8	13.287.532.131	13.287.532.131
Khác	52.117.432.232	68.691.419.121
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	467.920.479	16.328.694.506
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.309.742.236</b>	<b>113.744.503.152</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(29.013.603.825)	(28.817.630.525)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>75.296.138.411</b>	<b>84.926.872.627</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu năm	28.817.630.525	26.293.480.566
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	245.973.300	194.123.616
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(50.000.000)	-
Số cuối năm	29.013.603.825	26.487.604.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho bên khác	5.649.877.847	3.842.649.048
<i>Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp</i>		
<i>Hoàng Minh</i>	1.537.360.000	794.530.000
<i>Nguyễn Văn Thanh</i>	1.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ Giới Trung Nam Miền Nam</i>	922.566.667	935.200.000
<i>Khác</i>	2.189.951.180	2.112.919.048
Trả trước cho bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	-	8.558.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.649.877.847</b>	<b>3.851.207.208</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(589.008.700)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>5.060.869.147</b>	<b>3.851.207.208</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn của khách hàng:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	589.008.700	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	589.008.700	-

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.351.931.942</b>	<b>14.824.036.448</b>
Tạm ứng nhân viên	6.193.728.105	3.718.637.003
Chi hộ khách hàng	6.188.579.494	6.945.023.561
Ký quỹ, ký cược	3.856.977.620	3.961.964.620
Khác	112.646.723	198.411.264
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	2.578.730.343	2.421.604.125
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.930.662.285</b>	<b>17.245.640.573</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.420.252.744)	(4.327.288.427)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>14.510.409.541</b>	<b>12.918.352.146</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	949.413.807	502.179.336
<i>Bên khác</i>	17.981.248.478	16.743.461.237



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác ngắn hạn như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu năm	4.327.288.427	3.629.412.188
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	175.761.050	41.302.128
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(82.796.733)	-
Số cuối năm	<u>4.420.252.744</u>	<u>3.670.714.316</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.893.756.553	81.626.529.971
Nhiên liệu, vật liệu	17.758.420.351	19.915.035.498
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	130.564.000
Hàng hóa	-	58.712.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.782.740.904</b>	<b>101.730.842.196</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(143.039.190)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>88.782.740.904</b>	<b>101.587.803.006</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	143.039.190	5.634.879.753
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(143.039.190)	(5.491.840.563)
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>143.039.190</u>

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	28.710.259.331	49.059.975.357	449.805.646.402	1.788.603.596	529.364.484.686
Thanh lý	(9.607.479.385)	-	(890.834.000)	(1.017.923.596)	(11.516.236.981)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	19.102.779.946	49.059.975.357	448.914.812.402	770.680.000	517.848.247.705
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	12.595.495.413	32.072.999.827	331.798.719.258	248.136.364	376.715.350.862
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(23.569.075.301)	(36.814.921.017)	(364.798.655.051)	(1.631.176.033)	(426.813.827.402)
Khấu hao trong kỳ	(384.405.690)	(1.164.329.314)	(6.924.808.404)	(74.754.362)	(8.548.297.770)
Thanh lý	7.045.990.623	-	890.834.000	1.017.923.596	8.954.748.219
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(16.907.490.368)	(37.979.250.331)	(370.832.629.455)	(688.006.799)	(426.407.376.953)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.141.184.030	12.245.054.340	85.006.991.351	157.427.563	102.550.657.284
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.195.289.578	11.080.725.026	78.082.182.947	82.673.201	91.440.870.752

Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải trị giá còn lại là 30.459.774.261 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

VND

Máy móc và thiết bị

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và  
ngày 30 tháng 6 năm 2023 77.859.191.181

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 (8.218.470.178)  
Khấu hao trong kỳ (2.595.306.372)  
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 (10.813.776.550)

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 69.640.721.003  
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 67.045.414.631

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.552.136.460	4.006.171.323	11.558.307.783
Thanh lý, nhượng bán	(7.552.136.460)	-	(7.552.136.460)
Xóa sổ	-	(239.563.348)	(239.563.348)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>-</u>	<u>3.766.607.975</u>	<u>3.766.607.975</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.706.551.725	1.706.551.725
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	(2.115.172.270)	(2.115.172.270)
Hao mòn trong kỳ	-	(206.005.632)	(206.005.632)
Xóa sổ	-	239.563.348	239.563.348
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>-</u>	<u>(2.081.614.554)</u>	<u>(2.081.614.554)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>7.552.136.460</u>	<u>1.890.999.053</u>	<u>9.443.135.513</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>-</u>	<u>1.684.993.421</u>	<u>1.684.993.421</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí cải tạo, nâng cấp kho bãi	7.126.300.000	7.104.600.000
Chi phí sửa chữa	903.905.000	884.793.370
Chi phí cải tạo, nâng cấp văn phòng	-	15.339.404.809
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.030.205.000</b>	<b>23.328.798.179</b>

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.079.007.009</b>	<b>2.467.127.787</b>
Phí bảo hiểm	996.144.922	19.049.119
Phí sửa chữa	863.561.997	1.468.302.969
Công cụ, dụng cụ	540.725.243	557.575.712
Chi phí thuê đất	292.126.448	-
Khác	386.448.399	422.199.987
<b>Dài hạn</b>	<b>17.802.071.605</b>	<b>24.449.537.871</b>
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	12.178.498.154	19.695.920.038
Công cụ, dụng cụ	3.029.778.899	2.178.027.878
Chi phí thuê đất	2.185.936.399	2.220.633.805
Khác	407.858.153	354.956.150
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.881.078.614</b>	<b>26.916.665.658</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho bên khác	23.238.543.444	35.895.932.111
<i>Công ty Cổ phần Công Trình Quốc Tế Taupo</i>	5.952.800.000	5.952.800.000
<i>Công ty TNHH Vận Tải - Xây Dựng – Thương</i>		
<i>Mại và Dịch vụ Trúc Minh</i>	2.961.255.620	7.083.855.620
<i>Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Thanh Trung</i>	2.090.650.190	2.744.825.190
<i>Khác</i>	12.233.837.634	17.694.829.980
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	3.005.112.814	4.650.604.224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.243.656.258</u></b>	<b><u>40.546.536.335</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Sungrow Power (Việt Nam)	2.640.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ Tầng Khang		
<i>Nguyên</i>	-	1.323.291.788
<i>Khác</i>	1.768.616.081	2.341.507.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.408.816.081</u></b>	<b><u>3.664.799.549</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	(7.307.033.826)	9.472.684.803	(2.450.141.203)	(284.490.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.668.053	5.786.283.271	(2.384.904.683)	3.770.046.641
Thuế thu nhập cá nhân	127.069.503	(341.181.578)	-	(214.112.075)
Thuế khác	(946.341.572)	-	946.341.572	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(7.757.637.842)</u></b>	<b><u>14.917.786.496</u></b>	<b><u>(3.888.704.314)</u></b>	<b><u>3.271.444.340</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	8.296.304.368	5.796.759.328	(13.418.289.754)	674.773.942
<i>Phải trả</i>	538.666.526	20.714.545.824	(17.306.994.068)	3.946.218.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí thuê phụ	7.307.350.003	4.322.213.505
Chi phí thưởng nhân viên	2.960.564.471	644.568.139
Khác	392.978.284	787.370.119
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.660.892.758</b>	<b>5.754.151.763</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	1.385.141.420	-
<i>Phải trả bên khác</i>	9.275.751.338	5.754.151.763

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.221.296.021</b>	<b>3.535.931.732</b>
Chi phí lãi vay	1.988.545.956	1.194.807.489
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	939.136.500	16.622.079
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Nhận ký cược, ký quỹ	200.000.000	200.000.000
Khác	1.520.144.789	1.551.033.388
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	400.000.000	400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.621.296.021</b>	<b>3.935.931.732</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	2.804.545.956	2.021.207.712
<i>Phải trả bên khác</i>	2.816.750.065	1.914.724.020



**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>103.515.563.178</b>	<b>34.270.017.553</b>	<b>(119.064.534.631)</b>	<b>7.961.745.260</b>	<b>26.682.791.360</b>
Vay bên liên quan	50.000.000.000	15.000.000.000	(65.000.000.000)	-	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	36.167.781.582	19.270.017.553	(44.678.498.301)	-	10.759.300.834
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	10.239.280.000	-	(5.119.640.000)	5.119.640.000	10.239.280.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	7.108.501.596	-	(4.266.396.330)	2.842.105.260	5.684.210.526
<b>Dài hạn</b>	<b>32.411.551.569</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(7.961.745.260)</b>	<b>24.449.806.309</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	17.052.631.569	-	-	(2.842.105.260)	14.210.526.309
Nợ thuế tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.3)	15.358.920.000	-	-	(5.119.640.000)	10.239.280.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.927.114.747</b>	<b>34.270.017.553</b>	<b>(119.064.534.631)</b>	<b>-</b>	<b>51.132.597.669</b>

## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	10.759.300.834		Từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến ngày 13 tháng 10 năm 2023	7,5 – 8,4	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ với hạn mức 56.000.000.000 VND (Thuyết minh số 30)

#### 20.2 Vay ngân hàng dài hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	19.894.736.835		Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2026	8,9 – 9,2	Phương tiện vận tải (Thuyết minh số 9) Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ với hạn mức 27.000.000.000 VND (Thuyết minh số 30)

Trong đó:

Dài hạn đến hạn trả	5.684.210.526
Dài hạn	14.210.526.309



## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.3 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</b>					
Đến 1 năm	11.398.071.941	1.158.791.941	11.811.556.510	1.572.276.510	10.239.280.000
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Trên 1 đến 5 năm	10.555.575.567	316.295.567	16.146.208.421	787.288.421	15.358.920.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.953.647.508</b>	<b>1.475.087.508</b>	<b>27.957.764.931</b>	<b>2.359.564.931</b>	<b>25.598.200.000</b>

VND



## Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimesex

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	30.210.248.664	260.543.124.512
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.415.132.065	2.415.132.065
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(392.281.655)	(392.281.655)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>32.233.099.074</u>	<u>262.565.974.922</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	37.470.778.134	267.803.653.982
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.955.248.937	19.955.248.937
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(76.528.111)	(76.528.111)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>57.349.498.960</u>	<u>287.682.374.808</u>

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	47.497.743.118	185.693.905.802
Doanh thu cho thuê	2.217.055.358	4.299.621.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.714.798.476</u></b>	<b><u>189.993.527.620</u></b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi	322.625.523	69.166.826
Lãi chênh lệch tỷ giá	24.908.329	582.829.284
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>347.533.852</u></b>	<b><u>651.996.110</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn của dịch vụ vận tải	80.380.599.527	173.817.380.401
Giá vốn cho thuê	1.312.252.504	1.867.389.352
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>81.692.852.031</u></b>	<b><u>175.684.769.753</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền vay	3.965.665.615	3.309.555.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá	217.146	146.707.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.965.882.761</u></b>	<b><u>3.456.262.479</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	2.947.242.136	1.023.804.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	100.000.000
Khác	-	675.907.407
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.947.242.136</u></b>	<b><u>1.799.711.598</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí nhân viên	9.402.191.281	10.883.358.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.857.303.743	4.006.458.663
Dự phòng phải thu khó đòi	877.946.317	235.425.744
Chi phí khấu hao và hao mòn	376.815.824	387.776.880
Khác	602.176.294	1.118.889.966
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.116.433.459</u></b>	<b><u>16.631.909.478</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	57.486.562.358	140.705.172.435
Chi phí nhân viên	21.428.380.364	25.777.225.543
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9, 10 và 11)	11.349.609.774	10.159.368.483
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	5.774.889.230	6.292.342.893
Chi phí khác	3.717.085.900	11.182.281.475
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>99.756.527.626</u></b>	<b><u>194.116.390.829</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>79.004.634.358</b>	<b>10.048.106.584</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	78.743.782.374	9.953.222.998
Thu nhập khác	260.851.984	94.883.586
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>331.632.109</u></b>	<b><u>57.820.661</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>78.673.002.249</u></b>	<b><u>9.990.285.923</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.786.283.271	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(728.608.018)</u>	<u>648.024.280</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.057.675.253</u></b>	<b><u>648.024.280</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.012.924.190</b>	<b>3.063.156.345</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	5.002.584.838	612.631.269
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	60.205.904	132.894.442
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(5.115.489)	(97.501.431)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>5.057.675.253</b>	<b>648.024.280</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản mục thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi vay loại trừ theo NĐ 132/2020/ND-CP	1.170.490.043	441.882.025	728.608.018	259.720.040
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	-	-	190.623.793
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(1.098.368.113)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>1.170.490.043</b>	<b>441.882.025</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ</b>			<b>728.608.018</b>	<b>(648.024.280)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại (“chi phí lãi vay chưa được trừ”) sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay chưa được trừ	Chi phí lãi vay chưa được trừ	Chi phí lãi vay chưa được trừ
			đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2023	không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/06/2023	chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2023
2022	2027	2.209.410.125	-	-	2.209.410.125
2023	2028	3.643.040.092	-	-	3.643.040.092
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.852.450.217</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.852.450.217</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.170.490.043 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với khoản chi phí lãi vay không được trừ nói trên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 441.882.025 VND).

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Cảng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp Vận Số 1	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó giám đốc Chi nhánh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (*)	Trả gốc vay	65.000.000.000	5.000.000.000
	Đi vay	15.000.000.000	13.000.000.000
	Chi phí lãi vay	1.124.738.740	86.991.780
	Chi hộ	637.280.865	-
	Phí thuê văn phòng	589.245.168	589.245.168
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Sử dụng dịch vụ	902.070.872	1.114.323.540
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	108.000.000	-
	Cho thuê kho	47.250.000	47.250.000
	Cho thuê phương tiện	-	4.611.111
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.487.273.275	102.963.994
	Sử dụng dịch vụ	72.933.668	35.007.700
Công ty Cổ Phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	1.385.141.420	-
Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Thuê bãi	200.000.000	-
	Sử dụng dịch vụ	131.656.945	-
Ông Nguyễn Hoàng Long	Tạm ứng	220.000.000	575.000.000
	Chi phí công tác	32.000.000	12.681.112

(\*) Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã phát hành hai (2) chứng thư bảo lãnh ngân hàng với hạn mức lần lượt là 56.000.000.000 VND và 27.000.000.000 VND để hỗ trợ vốn lưu động của Công ty và vẫn còn hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b>			
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	467.920.479	9.210.166
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thanh lý tài sản cố định	-	16.319.484.340
		<b>467.920.479</b>	<b>16.328.694.506</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	-	8.558.160
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	700.714.807	-
Ông Nguyễn Hoàng Long	Tạm ứng	200.000.000	393.160.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Cung cấp dịch vụ	48.699.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ	-	109.019.336
		<b>949.413.807</b>	<b>502.179.336</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Sử dụng dịch vụ	1.812.858.285	3.352.803.630
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Thuê văn phòng	972.254.529	1.297.800.594
Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	220.000.000	-
		<b>3.005.112.814</b>	<b>4.650.604.224</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	1.385.141.420	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</b>			
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chi phí lãi vay	1.988.545.956	1.194.807.489
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Chi trả hộ	-	10.400.223
		<b>2.804.545.956</b>	<b>2.021.207.712</b>

**Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20)**

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Vay	-	50.000.000.000
----------------------------------	-----	---	----------------

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đặng Vũ Thành	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	143.011.035
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	60.000.000	102.408.827
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên	60.000.000	102.408.827
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký HĐQT	30.000.000	45.903.310
<b>Ban kiểm soát</b>			
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)	3.636.364	-
Bà Trần Bảo Ngọc	Trưởng BKS (từ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2022)	-	63.903.310
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên	30.000.000	43.252.759
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	30.000.000	8.409.091
Ông Hồ Sĩ Tuấn	Thành viên (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2022)	-	23.252.759
<b>Tổng Giám đốc</b>			
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc	737.630.000	873.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.041.266.364</b>	<b>1.406.299.918</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.955.248.937	2.415.132.065
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(76.528.111)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.955.248.937	2.338.603.954
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	952	112
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	952	112

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

#### *Công ty là bên đi thuê*

Công ty hiện đang thuê văn phòng, phương tiện vận tải và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đến 1 năm	703.513.880	4.643.057.000
Từ 2 đến 5 năm	2.248.228.000	2.248.228.000
Trên 5 năm	6.697.845.917	7.259.902.917
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.649.587.797</u></b>	<b><u>14.151.187.917</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**Công ty là bên cho thuê**

Công ty hiện đang cho thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	2.400.000.000	3.300.000.000
Từ 2 đến 5 năm	2.800.000.000	5.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>8.500.000.000</b>

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngoại tệ:		
- USD	17.398,90	10.437,83

**34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thanh Huyền  
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan  
Kế toán trưởng



Bùi Quang Liên  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023